

Số: 116 /KH-UBND

Đồng Xoài, ngày 03 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm
“Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến;
Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số”
từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022**

Căn cứ Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số phát triển Chính quyền số” từ ngày 01/6/2022 đến 31/8/2022.

Nhằm tổ chức thi đua lập thành tích chào mừng 77 năm Ngày Quốc Khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (02/9/1945-02/9/2022) một cách thiết thực, có ý nghĩa, UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số” từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Thành ủy về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố, trong đó tập trung định hướng quan trọng: “*Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ V đã đề ra phù hợp với thực tiễn của địa phương, đơn vị*”.

Giao chỉ tiêu tỷ lệ dịch vụ công phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến tới các cơ quan, đơn vị và UBND các phường-xã năm 2022, hướng tới hoàn thành sớm các chỉ tiêu chủ yếu phát triển Chính quyền số trên địa bàn thành phố theo Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh, Chương trình hành động số 08-CTr/TU, ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 20/9/2021 về chuyển đổi số xây dựng chính quyền kiến tạo, thành phố tự động, lãnh đạo 360 độ trên địa bàn năm 2021, 2022 và định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 19/4/2022 về Chuyển đổi số,

xây dựng địa phương thông minh năm 2022 (bổ sung nội dung theo Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh)

2. Yêu cầu

Phân công rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ thời gian; triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các phường-xã phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, xác định việc thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) là một nhiệm vụ cấp bách và ưu tiên hàng đầu, có yếu tố quyết định cho công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

II. HIỆN TRẠNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Toàn thành phố hiện có 338 dịch vụ công (DVC). Trong đó:

- Dịch vụ công cấp thành phố là 244 DVC (mức độ 2: 18 DVC, mức độ 3: 47 DVC, mức độ 4: 179 DVC). Dịch vụ công liên thông là 97 DVC. Tổng cộng cấp thành phố cung cấp 321 dịch vụ công.

- Dịch vụ công cấp xã là 94 DVC (mức độ 1: 0 DVC; mức độ 2: 6 DVC; mức độ 3: 31 DVC; mức độ 4: 57 DVC). Dịch vụ công liên thông là 53 DVC (trong đó lĩnh vực Lao động: 36; Tài nguyên môi trường: 17). Tổng cộng cấp xã cung cấp 147 dịch vụ công.

(Một số DVC có thể được cung cấp ở 2 cấp hoặc 3 cấp).

1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ

Đến ngày 31/5/2022: Tổng số DVC mức 3, 4 là: 314, Trong đó, số DVC mức 3, 4 có phát sinh hồ sơ là 134. Như vậy, tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn thành phố là **42,67%**. (Tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ = Số DVC trực tuyến mức 3,4 có phát sinh hồ sơ/Tổng số DVC trực tuyến mức 3,4).

(Phụ lục 1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ)

Nhận xét: Tỷ lệ DVC phát sinh hồ sơ là 42,67% là **thấp** so với chỉ tiêu mà Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho các địa phương (80%) trong năm 2022. Nguyên nhân từ việc không nhập hồ sơ thủ tục hành chính vào phần mềm Cổng dịch vụ công hoặc một số DVC cung cấp mà người dân, doanh nghiệp không có nhu cầu trong kỳ báo cáo.

2. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến

Từ ngày 15/12/2021-14/3/2022, theo thống kê từ Cổng DVC của tỉnh, tổng số hồ sơ tiếp nhận mới (cả trực tuyến và không trực tuyến) là **5.190** hồ sơ. Trong đó, số hồ sơ của các DVC tiếp nhận trực tuyến là **2.743** hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích **2.447** hồ sơ. Như vậy, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến là **52,85%** (Tỷ lệ = Số hồ sơ DVC trực tuyến/Tổng số hồ sơ DVC).

Theo báo cáo tổng hợp từ các đơn vị, tổng số hồ sơ tiếp nhận mới (cả trực tuyến và không trực tuyến) trên **phần mềm Báo cáo Chính phủ** là **10.950** (trực tuyến 3.000, không trực tuyến 7950) hồ sơ. Như vậy, tổng số hồ sơ không nhập lên Cổng DVC của tỉnh là **5.760** hồ sơ. Trong đó, đáng chú ý một số đơn vị không nhập lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh là phòng Tư pháp (154 hồ sơ), phòng LĐ-TB&XH (98 hồ sơ), phòng GD&ĐT (48 hồ sơ), phòng Nội vụ (7 hồ sơ), phòng Kinh tế (3 hồ sơ); UBND các phường-xã (5.450 hồ sơ): Tân Thiện 1504, Tiên Hưng 1112, Tân Thành 738, Tân Đông 592, Tân Xuân 595, Tiên Thành 508, Tân Bình 401. Nếu theo số liệu tổng hợp của các đơn vị, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến thực tế chỉ là **27,4%**.

(Phụ lục 2. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến)

Nhận xét: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến năm 2022 được Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số giao là 50%. Như vậy, tỷ lệ này trên thực tế còn rất thấp (27,4%). Nguyên nhân chính là không nhập hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và vẫn còn tiếp nhận hồ sơ giấy rất nhiều.

3. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố, các phường-xã.

Hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố, các phường-xã đã thực hiện số hóa 100% hồ sơ TTHC đảm bảo theo quy định về hồ sơ đầu vào đối với các TTHC đã công bố trực tuyến mức độ 3, 4 (*Trừ Chi nhánh Văn phòng ĐKKD thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạt 67,58%*). Đối với các TTHC trực tuyến mức độ 2 thì tỷ lệ số hóa hồ sơ còn rất hạn chế. Ngoài ra, việc số hóa đối với các văn bản có liên quan đến quá trình giải quyết hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC chưa được thực hiện đầy đủ, đa số các đơn vị vẫn chưa trả kết quả bằng bản điện tử theo yêu cầu, tỷ lệ kết quả điện tử hiện mới đạt khoảng 27,4%.

Nhận xét: Việc số hóa 100% hồ sơ TTHC cần phải được triển khai khẩn trương theo đúng yêu cầu của Quyết định số 27 (Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số), đó là: Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với Bộ phận một cửa cấp huyện (01/12/2022).

4. Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến

4.1 Hệ thống báo cáo Quốc gia, định kỳ hàng quý/năm:

Văn phòng Chính phủ giao 3 biểu mẫu báo cáo Quý I/2022 cho các đơn vị và UBND các phường-xã, gồm:

- Mẫu II.01b/VPCP/KSTT: 0/8 UBND các phường-xã nhập liệu báo cáo.
- Mẫu II.05a/VPCP/KSTT: 4/8 UBND các phường-xã nhập liệu báo cáo.
- Mẫu II.06/VPCP/KSTT: 100% các đơn vị và UBND các phường-xã nhập liệu báo cáo.

4.2 Hệ thống báo cáo LRIS của tỉnh, định kỳ hàng tháng:

Các đơn vị đã thực hiện số liệu hàng tháng, quý trong năm 2022 trên Hệ thống báo cáo Kinh tế-Xã hội.

(Phụ lục 3 - Thống kê tình hình triển khai Hệ thống báo cáo).

Nhận xét: Yêu cầu các đơn vị và UBND các phường-xã cần cập nhật báo cáo trên Hệ thống báo cáo Quốc gia GRIS. (Mẫu II.01b/VPCP/KSTT và Mẫu II.05a/VPCP/KSTT) và nhập liệu đúng với thời gian quy định.

5. Tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính:

Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 31/5/2022, tổng số hồ sơ tiếp nhận là 32.603 hồ sơ, đã giải quyết được 27.271 hồ sơ (trong đó 199 hồ sơ trễ hạn), đang giải quyết 5.331 hồ sơ (trong đó 0 hồ sơ quá hạn). Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đã giải quyết là **0,73%**.

Nhận xét: Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn đã giải quyết còn cao là do tình trạng hồ sơ được xử lý hoàn thành khi đã chuyển qua trạng thái “Quá hạn”. Việc này là do các đơn vị chưa chú trọng đến các hồ sơ gần đến hạn, chỉ tập trung đến những hồ sơ đã quá hạn.

(Phụ lục 4 - Tình hình xử lý hồ sơ trên Cổng DVC của tỉnh từ 15/12/2021 đến 31/5/2022)

6. Tình hình thanh toán trực tuyến

Thành phố đã triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố: Lũy kế từ 19/5/2021 đến 31/5/2022 với tổng số **23.396** giao dịch/**149.732.671.658** đồng (Từ 01/01/2022 đến ngày 25/5/2022 với tổng số **9.925** giao dịch/**66.093.605.063** đồng).

Nhận xét: Mặc dù tình hình thanh toán trực tuyến của thành phố đạt được những kết quả nhất định, hiện đang dần đầu tình về thanh toán nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực đất đai. Nhưng việc triển khai thanh toán phí, lệ phí chưa triển khai rộng rãi ở các lĩnh vực khác. Do vậy, cần tập trung đẩy mạnh công tác thanh toán trực tuyến các tất cả các lĩnh vực.

III. MỤC TIÊU

Đến ngày 02/9/2022, toàn thành phố phải đạt:

1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%.
2. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.
3. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% tại Bộ phận một cửa thành phố và cấp xã.
4. Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 50%.
5. Giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính

- 100% hồ sơ, thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn, không để hồ sơ chuyển qua trạng thái Trễ hạn.

- Nếu có phát sinh hồ sơ trễ hạn thì phải có văn bản xin lỗi (*phải gửi văn bản xin lỗi trước thời điểm hết hạn giải quyết ít nhất 01 ngày, đồng thời có thời hạn giải quyết trong văn bản xin lỗi*).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Cập nhật đầy đủ các DVC phát sinh lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, tuyệt đối không được xử lý hồ sơ giấy mà không cập nhật vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

Đơn vị thực hiện: Các phòng ban, đơn vị; UBND các phường-xã.

Thời gian thực hiện: Từ 01/6/2022.

2. Chủ động rà soát, tập trung phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến.

- Căn cứ phụ lục 1: Các phòng ban, đơn vị và UBND các phường-xã tiến hành rà soát, xác định các DVC đang phát sinh hồ sơ giấy, tổ chức triển khai thực hiện tiếp nhận trực tuyến đối với các dịch vụ công đã cung cấp ở mức 3, 4.

- Căn cứ phụ lục 2: Các phòng ban, đơn vị và UBND các phường-xã thực hiện tập trung thực hiện việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến, đảm bảo 100% hồ sơ xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công mức 3, 4.

Đơn vị thực hiện: Các phòng ban, đơn vị; UBND các phường-xã.

Thời gian thực hiện: Từ 01/6/2022.

3. Quán triệt, theo dõi và kiểm soát thường xuyên việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo chất lượng, tiến độ, không để hồ sơ chuyển qua trạng thái quá hạn. Trường hợp trễ hạn phải có văn bản xin lỗi (*Văn bản xin lỗi phải có thời hạn giải quyết*) và kịp thời xử lý theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 919/UBND-CNTT ngày 04/6/2021 về việc thực hiện nghiêm việc tiếp nhận hồ sơ khi người dân đến. Tuyệt đối không để xảy ra trường hợp gia hạn hồ sơ không có lý do chính đáng; nghiêm cấm tình trạng bám “Kết thúc” khi trên thực tế hồ sơ vẫn còn trong tình trạng “Đang xử lý”;

Cơ quan chủ trì: Các phòng ban, đơn vị; UBND các phường-xã.

Thời gian triển khai: Từ tháng 06/2022

4. Thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đối với một số loại hình DVCTT tương ứng với một số đối tượng người dân sử dụng phù hợp, khả thi trong tiếp cận, thực hiện dịch vụ. (tập trung triển khai trước đối với 18 DVC trong danh mục các TTHC thiết yếu ưu tiên tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước).

Cơ quan chủ trì: Công an thành phố.

Cơ quan phối hợp: Các phòng ban, đơn vị; UBND các phường-xã.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/6/2022.

5. Triển khai các Tổ công nghệ số cộng đồng theo Văn bản số 793/BTTTT-THH ngày 05/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn bản số 1231/UBND-KGVX ngày 28/5/2022 của UBND tỉnh để tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi số, trong đó có hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng DVCTT.

Cơ quan chủ trì: UBND các phường-xã.

Cơ quan phối hợp: Các phòng ban, đơn vị có liên quan.

Thời gian hoàn thành: **Trước ngày 15/6/2022** phải thành lập và báo cáo về UBND thành phố.

6. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ 4 với các thủ tục hành chính đủ điều kiện

Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND.

Cơ quan phối hợp: Các phòng ban, đơn vị; UBND các phường-xã.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

7. Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chính sách do tỉnh ban hành để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT như giảm thời gian xử lý hồ sơ; giảm lệ phí thực hiện DVCTT.

Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND.

Cơ quan phối hợp: Phòng TC-KH thành phố và các đơn vị liên quan.

8. Triển khai hoàn thiện hệ thống báo cáo GRIS, LRIS

- Phấn đấu 100% các phòng ban, đơn vị và UBND các phường-xã nhập liệu hệ thống báo cáo các mẫu II.01b, II.05a, II.06 của Văn phòng Chính phủ.

- Các phòng ban, đơn vị có liên quan tổ chức nhập liệu hệ thống báo cáo LRIS định kỳ hàng tháng trước ngày 15.

Thời gian thực hiện: Tháng 6/2022.

9. Triển khai toàn diện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến đối với Dịch vụ công trên phạm vi toàn thành phố.

Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND.

Cơ quan phối hợp: Các phòng ban, đơn vị và UBND các phường-xã

Thời gian thực hiện: trước 31/8/2022.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị và Chủ tịch UBND các phường-xã xây dựng kế hoạch, chương trình hành động đảm bảo hoàn thành 100%

nhệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Ban hành và gửi Kế hoạch, chương trình hành động về UBND thành phố trước ngày 10/6/2022.

2. Văn phòng HĐND&UBND thành phố:

- Tổng hợp báo cáo cho Trưởng Ban chỉ đạo Chuyển đổi số về công việc triển khai, kết quả thực hiện trước 16 giờ 00' ngày thứ Sáu hàng tuần. Chủ trì phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu UBND thành phố tổ chức Lễ tổng kết Chiến dịch vào ngày 01/9/2022.

- Tham mưu UBND thành phố đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, phần mềm Dịch vụ công đáp ứng được các yêu cầu để triển khai số hóa đầu vào và kết quả đầu ra của thủ tục hành chính; lưu trữ kho dữ liệu cá nhân để sử dụng các dịch vụ công tiếp theo, chuẩn bị các phương án đảm bảo để triển khai chữ ký số cá nhân rộng rãi để người dân biết và sử dụng với nguyên tắc thuận tiện, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

3. Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND thành phố tham mưu UBND thành phố bổ sung tiêu chí chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị và UBND các phường-xã; đánh giá trách nhiệm Người đứng đầu năm 2022 theo hướng tập trung vào các nhiệm vụ: *Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số.*

Trên đây là Kế hoạch Triển khai chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số” từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/8/2022. Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các phường-xã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo, triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, chất lượng công việc được giao./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TT-TT;
- VP UBND tỉnh;
- Thường trực Thành uỷ;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các phòng ban, đơn vị;
- UBND các phường-xã;
- LĐVP, các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH DỊCH VỤ CÔNG, DỊCH VỤ CÔNG PHÁT SINH HỒ SƠ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06/6/2022
của UBND thành phố)

STT	Tên đơn vị	Dịch vụ công phát sinh hồ sơ		Số DVC không phát sinh hồ sơ
		Trực tuyến 3, 4	Hồ sơ giấy	
1	Phòng Tư pháp	5	0	36
2	Phòng QLĐT	7	0	12
3	Phòng TC-KH	4	0	34
4	Phòng LĐ-TB&XH	1	0	25
5	Phòng TN&MT	0	3	14
6	UBND phường Tân Phú	17	3	127
7	UBND phường Tân Xuân	12	3	132
8	UBND phường Tân Thiện	13	0	134
9	UBND phường Tân Đông	17	3	127
10	UBND phường Tân Bình	16	2	129
11	UBND phường Tiến Thành	16	3	130
12	UBND xã Tiến Hưng	11	3	133
13	UBND xã Tân Thành	15	5	127

Ghi chú: Số liệu tính đến 31/5/2022

PHỤ LỤC 2
TỶ LỆ HỒ SƠ XỬ LÝ TRỰC TUYẾN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06/6/2022
của UBND thành phố)

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ	Hồ sơ xử lý trực tuyến	Tỷ lệ (%) xử lý trực tuyến
I	Các phòng ban thành phố	935	758	81%
1	Phòng Tư pháp	18	18	100%
2	Phòng QLĐT	384	384	100%
3	Phòng TC-KH	354	354	100%
4	Phòng LĐ-TB&XH	1	1	100%
5	Phòng TN&MT	178	1	0,56%
II	Các phường-xã	4255	1985	46,65%
6	UBND phường Tân Phú	223	223	100%
7	UBND phường Tân Xuân	692	103	15%
8	UBND phường Tân Thiện	221	221	100%
9	UBND phường Tân Đông	844	402	48%
10	UBND phường Tân Bình	844	337	48%
11	UBND phường Tiến Thành	782	450	58%
12	UBND xã Tiến Hưng	537	167	31%
13	UBND xã Tân Thành	112	82	73%
III	Chi nhánh Văn phòng ĐKKD	9892	1025	10%

Ghi chú: Số liệu thống kê tính từ 15/12/2021 đến 14/3/2022 trên phần mềm Dịch vụ công của tỉnh

PHỤ LỤC 3
THỐNG KÊ CÁC ĐƠN VỊ CẤP XÃ CHƯA NHẬP LIỆU BÁO CÁO
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06/6/2022
của UBND thành phố)

STT	Tên đơn vị	Mẫu II.01b	Mẫu II.05a
1	UBND phường Tân Phú	Chưa nhập liệu	Đã nhập liệu
2	UBND phường Tân Xuân	Chưa nhập liệu	Chưa nhập liệu
3	UBND phường Tân Thiện	Chưa nhập liệu	Chưa nhập liệu
4	UBND phường Tân Đông	Chưa nhập liệu	Đã nhập liệu
5	UBND phường Tân Bình	Chưa nhập liệu	Đã nhập liệu
6	UBND phường Tiến Thành	Chưa nhập liệu	Đã nhập liệu
7	UBND xã Tiến Hưng	Chưa nhập liệu	Chưa nhập liệu
8	UBND xã Tân Thành	Chưa nhập liệu	Chưa nhập liệu

PHỤ LỤC 4

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ (Từ ngày 15/12/2021 đến 14/3/2022)											
STT	Đơn vị giải quyết TTHC	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết					
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết		
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trước và đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn
I	Thành phố Đồng Xoài	1105	758	170	177	929	906	23	176	176	0
1	Phòng Tư pháp	18	18	0	0	18	18	0	0	0	0
2	Phòng TC-KH	354	354	0	0	337	337	0	17	17	0
3	Phòng QLĐT	430	384	46	0	345	339	6	85	85	0
4	Phòng GD&ĐT	6	0	6	0	6	0	6	0	0	0
5	Phòng LĐ-TB&XH	2	1	1	0	2	2	0	0	0	0
6	Phòng TN&MT	295	1	117	177	221	210	11	74	74	0
II	UBND các phường-xã	4261	1985	6	2270	4253	4246	7	7	7	0
2	Tân Phú	224	223	1	0	223	221	2	0	0	0
3	Tân Xuân	692	103	0	589	692	689	3	0	0	0
4	Tân Thiện	225	221	4	0	225	224	1	0	0	0
5	Tân Đồng	845	402	1	442	845	845	0	0	0	0
6	Tân Bình	844	337	0	507	843	843	0	1	1	0
7	Tiến Thành	782	450	0	332	779	779	0	3	3	0
8	Tiến Hưng	537	167	0	370	534	533	1	3	3	0
9	Tân Thành	112	82	0	30	112	112	0	0	0	0
III	Chi nhánh VPĐKĐĐ	12051	1025	2159	8867	8401	8400	1	3650	3650	0